

Số: 354 /KH-ĐHSPTDTTHN

Hà Nội, ngày 05 tháng 6 năm 2026

KẾ HOẠCH

V/v nâng bậc lương thường xuyên, phụ cấp thâm niên vượt khung và phụ cấp thâm niên nhà giáo cho viên chức và người lao động quý 2 năm 2026

(mốc tính từ 01/01-31/6/2026)

Căn cứ Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;

Căn cứ các Nghị định số 76/2009/NĐ-CP ngày 15/9/2009; Nghị định số 14/2012/NĐ-CP ngày 07/6/2012; Nghị định số 17/2016/NĐ-CP ngày 19/02/2013 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 204/2004/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 77/2021/NĐ-CP ngày 01/8/2021 của Chính phủ quy định về chế độ phụ cấp thâm niên nhà giáo.

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 08/TT-BNV, ngày 31/7/2013 của BNV về việc hướng dẫn thực hiện chế độ nâng bậc lương thường xuyên và nâng bậc lương trước thời hạn đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động;

Căn cứ Thông tư 06/2021/TT-BNV ngày 29/6/2021 của Bộ Nội Vụ sửa đổi, bổ sung chế độ nâng bậc lương thường xuyên, nâng bậc lương trước thời hạn và chế độ phụ cấp thâm niên vượt khung đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động;

Căn cứ Quyết định số 432/QĐ-ĐHSPTDTTHN ngày 26/7/2022 của Hiệu trưởng trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao Hà Nội về việc ban hành Quy chế nâng lương thường xuyên, nâng bậc lương trước thời hạn đối với viên chức, người lao động Trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao Hà Nội;

Nhà trường ban hành kế hoạch tổ chức triển khai thực hiện xét nâng bậc lương thường xuyên, xét thâm niên vượt khung và xét quý 2 năm 2026 cho viên chức và người lao động trong cơ quan như sau:

I. CHẾ ĐỘ NÂNG BẬC LƯƠNG THƯỜNG XUYÊN:

1. Phạm vi và đối tượng:



- Viên chức trong cơ quan xếp lương theo bảng lương chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ;

- Người làm việc theo chế độ hợp đồng lao động xếp lương theo bảng lương do Nhà nước quy định trong cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định hiện hành của pháp luật.

2. Đối tượng không áp dụng:

Theo quy định tại Khoản 2, Điều 1, Thông tư 08/2016/TT-BNV.

3. Điều kiện thời gian giữ bậc trong ngạch hoặc trong chức danh:

a) Thời gian giữ bậc để xét nâng bậc lương thường xuyên:

Đối với các ngạch và các chức danh có yêu cầu trình độ từ cao đẳng trở lên: Nếu chưa xếp bậc lương cuối cùng trong ngạch hoặc trong chức danh, thì sau 03 năm (đủ 36 tháng) giữ bậc lương trong ngạch hoặc trong chức danh được xét nâng một bậc lương;

- Đối với các ngạch và các chức danh có yêu cầu trình độ đào tạo từ trung cấp trở xuống: nếu chưa xếp bậc lương cuối cùng trong ngạch hoặc trong chức danh, thì sau 2 năm (đủ 24 tháng) giữ bậc lương trong ngạch hoặc trong chức danh được xét nâng một bậc lương.

b) Các trường hợp được tính vào thời gian để xét nâng bậc lương thường xuyên gồm:

- Thời gian nghỉ làm việc được hưởng nguyên lương theo quy định của pháp luật về lao động;

- Thời gian nghỉ hưởng chế độ thai sản theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội;

- Thời gian nghỉ ốm đau, tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp hưởng bảo hiểm xã hội cộng dồn từ 6 tháng trở xuống (trong thời gian giữ bậc) theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội;

- Thời gian được cấp có thẩm quyền quyết định cử đi làm chuyên gia, đi học, thực tập, công tác, khảo sát ở trong nước, ở nước ngoài (bao gồm cả thời gian đi theo chế độ phu nhân, phu quân theo quy định của Chính phủ) nhưng vẫn trong danh sách trả lương của cơ quan, đơn vị.

c) Thời gian không được tính để xét nâng bậc lương thường xuyên

- Thời gian tập sự (bao gồm cả trường hợp được hưởng 100% mức lương của chức danh nghề nghiệp viên chức tập sự).

- Thời gian viên chức và người lao động đào ngũ trong quá trình thực hiện nghĩa vụ quân sự tại ngũ.

- Thời gian thử thách đối với viên chức và người lao động bị phạt tù nhưng cho hưởng án treo; trường hợp thời gian thử thách ít hơn thời gian bị kéo dài nâng bậc lương thường xuyên tính theo thời gian bị kéo dài nâng bậc lương thường xuyên.

- Thời gian nghỉ công tác chờ đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định hiện hành của pháp luật.

- Thời gian nghỉ việc riêng không hưởng lương;

- Thời gian đi học, thực tập, công tác, khảo sát ở trong nước và ở nước ngoài vượt quá thời hạn do cơ quan có thẩm quyền quyết định;

- Thời gian bị đình chỉ công tác, bị tạm giữ, tạm giam và các loại thời gian không làm việc khác ngoài quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều này.

Tổng các loại thời gian không được tính để xét nâng bậc lương thường xuyên quy định tại Điểm này (nếu có) được tính tròn tháng, nếu có thời gian lẻ không tròn tháng thì được tính như sau: Dưới 11 ngày làm việc (không bao gồm các ngày nghỉ hằng tuần và ngày nghỉ làm việc được hưởng nguyên lương theo quy định của pháp luật về lao động) thì không tính; từ 11 ngày làm việc trở lên tính bằng 01 tháng.

4. Tiêu chuẩn nâng bậc lương thường xuyên:

Viên chức và người lao động có đủ điều kiện thời gian giữ bậc trong ngạch hoặc trong chức danh và qua đánh giá đạt đủ 02 tiêu chuẩn sau đây trong suốt thời gian giữ bậc lương thì được nâng một bậc lương thường xuyên.

Đối tượng quy định tại Điều 1 Quy chế này có đủ điều kiện thời gian giữ bậc trong ngạch hoặc trong chức danh quy định tại Khoản 1 Điều này và qua đánh giá đạt đủ 02 tiêu chuẩn sau đây trong suốt thời gian giữ bậc lương thì được nâng một bậc lương thường xuyên:

- Tiêu chuẩn 1: Được cấp có thẩm quyền đánh giá và xếp loại chất lượng ở mức từ hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

- Tiêu chuẩn 2: Không vi phạm kỷ luật một trong các hình thức khiển trách, cảnh cáo, cách chức.

5. Thời gian bị kéo dài xét nâng bậc lương thường xuyên:

Trong thời gian giữ bậc lương hiện hưởng, nếu viên chức và người lao động đã có thông báo hoặc quyết định bằng văn bản của cấp có thẩm quyền là không hoàn thành nhiệm vụ được giao hằng năm hoặc bị kỷ luật một trong các hình thức khiển trách, cảnh cáo, giáng chức, cách chức thì bị kéo dài thời gian tính nâng bậc lương thường xuyên so với thời gian quy định như sau:

a) Kéo dài 12 tháng đối với các trường hợp:

- Viên chức và người lao động bị kỷ luật cách chức.
- b) Kéo dài 06 tháng đối với các trường hợp:
 - Viên chức bị kỷ luật cảnh cáo;
 - Viên chức và người lao động được cấp có thẩm quyền đánh giá và xếp loại chất lượng ở mức không hoàn thành nhiệm vụ được giao hằng năm; trường hợp trong thời gian giữ bậc có 02 năm không liên tiếp không hoàn thành nhiệm vụ được giao thì mỗi năm không hoàn thành nhiệm vụ được giao bị kéo dài 06 tháng.
- c) Kéo dài 03 tháng đối với viên chức bị kỷ luật khiển trách.
- d) Trường hợp vừa bị đánh giá và xếp loại chất lượng ở mức không hoàn thành nhiệm vụ được giao vừa bị kỷ luật thì thời gian kéo dài nâng bậc lương thường xuyên là tổng các thời gian bị kéo dài được quy định.
- đ) Trường hợp bị đánh giá và xếp loại chất lượng ở mức không hoàn thành nhiệm vụ do bị kỷ luật (cùng một hành vi vi phạm) thì thời gian kéo dài nâng bậc lương thường xuyên tính theo hình thức kỷ luật tương ứng được.
- e) Trường hợp viên chức và người lao động là đảng viên bị kỷ luật Đảng: nếu đã có quyết định kỷ luật về hành chính thì thực hiện kéo dài thời gian nâng bậc lương thường xuyên theo hình thức xử lý kỷ luật hành chính; nếu không có quyết định kỷ luật về hành chính thì thực hiện kéo dài thời gian nâng bậc lương thường xuyên theo hình thức xử lý kỷ luật Đảng tương ứng với các hình thức xử lý kỷ luật hành chính được quy định”

6. Trường hợp đã có kết luận của cơ quan có thẩm quyền là oan, sai sau khi bị đình chỉ công tác, bị tạm giữ, tạm giam, bị kỷ luật (khiển trách, cảnh cáo, giáng chức, cách chức) thì thời gian này được tính lại các chế độ về nâng bậc lương thường xuyên như sau:

- a) Thời gian bị đình chỉ công tác, bị tạm giữ, tạm giam do oan, sai được tính lại vào thời gian để xét nâng bậc lương;
- b) Không thực hiện kéo dài thời gian xét nâng bậc lương đối với các hình thức kỷ luật do oan, sai;
- c) Được truy lĩnh tiền lương, truy nộp bảo hiểm xã hội (bao gồm cả phần bảo hiểm xã hội do cơ quan, đơn vị đóng) theo các bậc lương đã được tính lại.

II. CHẾ ĐỘ HƯỞNG THÂM NIÊN VƯỢT KHUNG.

Áp dụng cho tất cả viên chức và người lao động đã hết khung bậc lương thường xuyên trong bảng lương chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ theo quy định, nếu có đủ thời gian và điều kiện, tiêu chuẩn quy định như viên chức và

người lao động được xét nâng bậc lương thường xuyên thì được xét hưởng chế độ thâm niên vượt khung như sau:

- Lần đầu được hưởng 5%, từ năm sau trở đi nếu đủ thời gian là 12 tháng và đủ điều kiện, tiêu chuẩn thì được xét hưởng cứ mỗi năm được cộng thêm 1%.

III. CHẾ ĐỘ HƯỞNG THÂM NIÊN NHÀ GIÁO

1. Đối tượng áp dụng: (Đối tượng xét lần đầu và đối tượng đã xét hưởng từ lần 2 trở đi).

Nhà giáo thuộc danh sách trả lương được Nhà trường phê duyệt, đang làm nhiệm vụ giảng dạy, giáo dục tại các đơn vị trong Trường, được xếp vào ngạch viên chức chuyên ngành giáo dục, đào tạo (mang mã số có các ký tự đầu là V.07).

2. Thời gian tính hưởng phụ cấp thâm niên

Thời gian tính hưởng phụ cấp thâm niên được xác định bằng tổng các thời gian sau:

a) Thời gian giảng dạy, giáo dục có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc trong các cơ sở giáo dục công lập.

b) Thời gian giảng dạy, giáo dục có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc trong các cơ sở giáo dục ngoài công lập (đối với nhà giáo đang giảng dạy, giáo dục trong các cơ sở giáo dục công lập mà trước đây đã giảng dạy, giáo dục ở các cơ sở giáo dục ngoài công lập).

c) Thời gian làm việc được tính hưởng phụ cấp thâm niên, gồm: thời gian làm việc được xếp lương theo một trong các ngạch hoặc chức danh của các chuyên ngành hải quan, tòa án, kiểm sát, kiểm toán, thanh tra, thi hành án dân sự, kiểm lâm, dự trữ quốc gia, kiểm tra đảng; thời gian làm việc được tính hưởng phụ cấp thâm niên trong quân đội, công an, cơ yếu và thời gian làm việc được tính hưởng thâm niên ở ngành, nghề khác (nếu có).

d) Thời gian đi nghĩa vụ quân sự theo luật định mà trước khi đi nghĩa vụ quân sự đang được tính hưởng phụ cấp thâm niên nghề.

3. Thời gian không tính hưởng phụ cấp thâm niên:

Thời gian quy định tại khoản 2 Điều 3 Nghị định số Nghị định số 77/2021/NĐ-CP; cụ thể:

a) Thời gian tập sự.

b) Thời gian nghỉ việc riêng không hưởng lương liên tục từ 01 tháng trở lên.

c) Thời gian nghỉ ốm đau, thai sản vượt quá thời hạn theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội.

d) Thời gian đi làm chuyên gia, đi học, thực tập, công tác, khảo sát ở trong nước và ở nước ngoài vượt quá thời hạn do cơ quan có thẩm quyền quyết định.

đ) Thời gian bị tạm đình chỉ công tác hoặc bị tạm giữ, tạm giam để phục vụ cho công tác điều tra, truy tố, xét xử.

e) Thời gian không làm việc khác ngoài quy định nêu trên.

4. Điều kiện và mức phụ cấp thâm niên được hưởng:

Nhà giáo xét hưởng lần đầu theo quy định tại mục 1 nêu trên có tổng thời gian được tính hưởng phụ cấp thâm niên **đủ 5 năm** (60 tháng), thì được hưởng phụ cấp thâm niên bằng **5%** mức lương hiện hưởng cộng phụ cấp chức vụ lãnh đạo và phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có); từ năm thứ sáu trở đi, mỗi năm (đủ 12 tháng) được tính thêm **1%**.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN:

1. Phòng TCCB: Niêm yết danh sách VC, NLD đến thời hạn tăng lương thường xuyên, hưởng phụ cấp thâm niên vượt khung phụ cấp thâm niên nhà giáo quý 2 năm 2026.

2. Đối với cá nhân: Thuộc diện có đủ thời gian, điều kiện, tiêu chuẩn quy định v/v nâng bậc lương thường xuyên, hưởng vượt khung và phụ cấp thâm niên nhà giáo (lần đầu tiên) phải viết đơn (theo mẫu), khai thật đầy đủ, chính xác, trung thực tất cả nội dung trong đơn để kiểm tra, đối chiếu với hồ sơ phòng TCCB quản lý; phản ánh kịp thời với phòng TCCB nếu trong danh sách niêm yết không có tên mình để phòng rà soát, giải quyết kịp thời.

3. Đối với các đơn vị:

- Tổ chức họp phổ biến thông báo tới toàn thể viên chức và người lao động về hướng dẫn nâng bậc lương quý 2 năm 2026 của Trường đã gửi các đơn vị.

- Đối chiếu điều kiện, tiêu chuẩn để họp xét cho viên chức và người lao động của đơn vị mình với 3 diện đề nghị nâng bậc lương thường xuyên, phụ cấp thâm niên vượt khung và phụ cấp thâm niên nhà giáo (nếu có) và ghi biên bản tổng hợp kết quả cuộc họp xét đề nghị nâng bậc lương của đơn vị.

4. Thời gian triển khai:

4.1. Các đơn vị: Tổ chức họp triển khai từ ngày 05/6 - 15/6/2026. Chậm nhất 16h00 ngày 15/6/2026, Các cá nhân, đơn vị có tên trong danh sách nâng lương thường xuyên, phụ cấp thâm niên vượt khung và phụ cấp thâm niên nhà giáo nộp Hồ sơ xét nâng lương về phòng TCCB để tổng hợp, gồm:

- Biên bản kết quả họp xét đề nghị nâng bậc lương thường xuyên, tăng phụ cấp thâm niên vượt khung của đơn vị;

- Đơn đề nghị của cá nhân.

4.2. Hội đồng xét nâng bậc lương của Trường:

Dự kiến từ ngày 16- 19/6/2026

4.3. Niêm yết thông báo kết quả xét nâng bậc lương cho viên chức và người lao động và nhận đơn đề nghị (nếu có).

Dự kiến từ ngày: 22/6 - 26/6/2026.

4.4. Hoàn tất hồ sơ trình Hiệu trưởng ký quyết định.

Dự kiến từ ngày 29 - 30/6/2026

Đề nghị các Trưởng đơn vị triển khai thực hiện theo đúng kế hoạch. Trong quá trình triển khai có gì chưa rõ gặp phòng Tổ chức cán bộ để giải quyết./.

Nơi nhận:

- BGH (để b/c);
- Các đơn vị (để t/h);
- Niêm yết tại bảng tin; Website;
- Lưu: VT, TCCB.



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM
THỂ DỤC THỂ THAO HÀ NỘI

DANH SÁCH VIÊN CHỨC, NLĐ TRƯỜNG ĐHSPTDTTHN THỂ DỤC THỂ THAO HÀ NỘI ĐỦ ĐIỀU KIỆN NÂNG BẬC LƯƠNG THƯỜNG XUYÊN QUÝ 2 NĂM 2026

(Kèm theo Kế hoạch số: 354 /KH-ĐHSPTDTTHN ngày 05/6/2026 của trường ĐHSPTDTTHN về việc xét nâng bậc lương thường xuyên, TNVK, TNNG)

TT	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị	Chức danh hoặc ngạch (mã số)	Bậc, hệ số lương hiện hưởng			KT, KL	Dự kiến nâng lương thường xuyên năm 2026		
					Bậc trong ngạch	Hệ số lương	Thời gian hưởng		Bậc lương	Hệ số lương	Thời gian tính nâng bậc
1	Hoàng Văn Duy	1980	P. KT&ĐBCL	01.003	1	2.34	01/4/2023	K	2	2.67	01/4/2026
2	Nguyễn Thị Huệ	1988	TT GDQP&AN	01.003	2	2.67	01/5/2023	K	3	3.00	01/5/2026
3	Lê Quỳnh Hòa	1982	P. TCCB	01.003	3	3.00	01/6/2023	K	4	3.33	01/6/2026
4	Phạm Ngọc Quân	1988	Khoa YHTDĐT	V.07.01.03	3	3.00	01/4/2023	K	4	3.33	01/4/2026
5	Dương Đăng Kiên	1988	Khoa GDQP&AN	V.07.01.03	3	3.00	01/5/2023	K	4	3.33	01/5/2026
6	Lê Ngọc Vinh	1989	K. ĐK-TD	V.07.01.03	4	3.33	01/5/2023	K	5	3.66	01/5/2026
7	Chu Thanh Hải	1989	K.CL-BB-QV	V.07.01.03	4	3.33	01/5/2023	K	5	3.66	01/5/2026
8	Lê Thị Thanh Hương	1987	Khoa LLCT	V.07.01.03	4	3.33	01/5/2023	K	5	3.66	01/5/2026
9	Đỗ Thị Tố Uyên	1988	K. CL-BB-QV	V.07.01.03	4	3.33	01/06/2023	K	5	3.66	01/6/2026
10	Phạm Mai Vương	1978	Khoa ĐK-TD	V.07.01.02	3	5.08	01/4/2023	K	4	5.42	01/4/2026
11	Hoàng Minh Thủy	1984	TT NN-TH	V.07.01.02	1	4.40	15/6/2023	K	2	4.74	15/6/2026
12	Lê Thị Thu Thúy	1984	Khoa LLCN&NVSP	V.07.01.02	1	4.40	15/6/2023	K	2	4.74	15/6/2026
13	Đoàn Thanh Nam	1987	Khoa ĐK-TD	V.07.01.02	1	4.40	15/6/2023	K	2	4.74	15/6/2026
14	Nguyễn Thị Hồng Phượng	1984	Khoa ĐK-TD	V.07.01.02	1	4.40	15/6/2023	K	2	4.74	15/6/2026
15	Nguyễn Việt Hồng	1983	Khoa BC-BĐ-BR	V.07.01.02	1	4.40	15/6/2023	K	2	4.74	15/6/2026
16	Lê Mạnh Linh	1982	Khoa BC-BĐ-BR	V.07.01.02	1	4.40	15/6/2023	K	2	4.74	15/6/2026
17	Đặng Đình Dũng	1986	Phòng HC-TH	V.07.01.02	1	4.40	15/6/2023	K	2	4.74	15/6/2026



18	Nguyễn Văn Thuật	1983	Khoa V-B-C	V.07.01.02	1	4.40	15/6/2023	K	2	4.74	15/6/2026
19	Vũ Công Lâm	1983	Khoa V-B-C	V.07.01.02	1	4.40	15/6/2023	K	2	4.74	15/6/2026
20	Nguyễn Thị Liên	1982	Khoa CL-BB-QV	V.07.01.02	1	4.40	15/6/2023	K	2	4.74	15/6/2026
21	Ngô Xuân Đức	1980	P. QLĐT - KH&HTQT	V.07.01.02	1	4.40	15/6/2023	K	2	4.74	15/6/2026
22	Mai Tú Nam	1969	K. HLTT	V.07.01.02	3	5.08	01/4/2023	K	4	5.42	01/4/2026
23	Trần Dũng	1976	K. V-B-C	V.07.01.02	3	5.08	01/4/2023	K	4	5.42	01/4/2026
24	Đỗ Anh Tuấn	1973	K. YHTDTT	V.07.01.02	4	5.42	01/6/2023	K	5	5.76	01/6/2026
25	Nguyễn Doãn Vũ	1984	Khoa HLTT	V.07.01.03	3	3.33	01/3/2020	K	5	3.66	15/3/2026
		Nghỉ không hưởng lương từ ngày 15/01/2021 đến hết ngày 31/1/2024: Tổng 3 năm, 0 tháng, 15 ngày.									

Danh sách này có 25 người./.

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM
THỂ DỤC THỂ THAO HÀ NỘI

DANH SÁCH
VIÊN CHỨC ĐẾN THỜI GIẠN XÉT HƯỞNG PHỤ CẤP THÂM NIÊN NHÀ GIÁO
QUÝ 2 NĂM 2026 (TỪ 1/4- 30/6/2026)
(Kèm theo Kế hoạch số: 354 /KH-ĐHSPTDTTHN ngày 05/6/2026 của trường ĐHSPTDTTHN về việc xét
nâng bậc lương thường xuyên, TNVK, TNNG)

TT	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị	Tỷ lệ % TNNG hiện hưởng	thời gian được tính hưởng	Tỷ lệ % TNNG mới được tăng	Chênh lệch tỷ lệ	Thời gian được tính hưởng	Ghi chú
1	Đào Xuân Anh	1976	Khoa BC-BĐ-BR	27%	01/4/2025	28%	1%	01/4/2026	
2	Mai Tú Nam	1969	Khoa Huấn luyện TT	21%	01/6/2025	22%	1%	01/6/2026	
3	Đặng Thị Kim Ngân	1979	Phòng HC-TH	20%	01/4/2025	21%	1%	01/4/2026	
4	Lã Huy Hoàng	1982	Khoa ĐK-TD	19%	01/4/2025	20%	1%	01/4/2026	
5	Hồ Thị Thu Hiền	1978	Khoa LLCT	17%	01/5/2025	18%	1%	01/5/2026	
6	Nguyễn Thị Thu	1982	Khoa Huấn luyện TT	15%	01/4/2025	16%	1%	01/4/2026	
7	Nguyễn Văn Hạnh	1990	Khoa ĐK-TD	10%	01/5/2025	11%	1%	01/5/2026	
8	Nguyễn Tùng Lâm	1989	Khoa ĐK-TD	10%	01/5/2025	11%	1%	01/5/2026	
9	Nguyễn Kim Mạnh	1984	Khoa BC-BĐ-BR	10%	01/5/2025	11%	1%	01/5/2026	
10	Lê Thị Thu Hương	1987	Khoa BC-BĐ-BR	10%	01/5/2025	11%	1%	01/5/2026	
11	Mai Thị Bích Ngọc	1987	Khoa LLCT	10%	01/5/2025	11%	1%	01/5/2026	
12	Lê Thị Thanh Hương	1987	Khoa LLCT	10%	01/5/2025	11%	1%	01/5/2026	
13	Quách Thị Ngọc Hà	1988	Khoa YHTDTT	10%	01/5/2025	11%	1%	01/5/2026	
14	Trần Đình Tường	1988	Khoa YHTDTT	10%	01/5/2025	11%	1%	01/5/2026	
15	Nguyễn Hồng Minh	1989	Khoa LLCN&NVSP	10%	01/6/2025	11%	1%	01/6/2026	
16	Lê Ngọc Vinh	1989	Khoa ĐK-TD	10%	01/5/2025	11%	1%	01/5/2026	
17	Chu Thanh Hải	1989	Khoa CL-BB-QV	10%	01/5/2025	11%	1%	01/5/2026	
18	Đỗ Thị Tố Uyên	1988	Khoa CL-BB-QV	10%	01/6/2025	11%	1%	01/6/2026	
19	Nguyễn Mạnh Đạt	1983	Khoa Huấn luyện TT	10%	01/5/2025	11%	1%	01/5/2026	
20	Nguyễn Thị Thức	1987	Khoa LLCT	10%	01/5/2025	11%	1%	01/5/2026	
21	Trần Chí Công	1986	Khoa HLTT	10%	01/5/2025	11%	1%	01/5/2026	
22	Đoàn Khắc Hà	1983	Khoa GDQP&AN	8%	01/5/2025	9%	1%	01/5/2026	
23	Dương Đăng Kiên	1988	Khoa GDQP&AN	8%	01/5/2025	9%	1%	01/5/2026	
24	Phan Thị Phụng	1978	TT NN-TH	8%	01/6/2025	9%	1%	01/6/2026	
25	Vũ Thanh Hiền	1991	Khoa LLCN&NVSP	8%	01/4/2025	9%	1%	01/4/2026	
26	Nguyễn Tố Quyên	1993	Khoa V-B-C	7%	01/5/2025	8%	1%	01/5/2026	
27	Phạm Minh	1987	Khoa BC-BĐ-BR	7%	01/5/2025	8%	1%	01/5/2026	

Danh sách này có 27 người./.